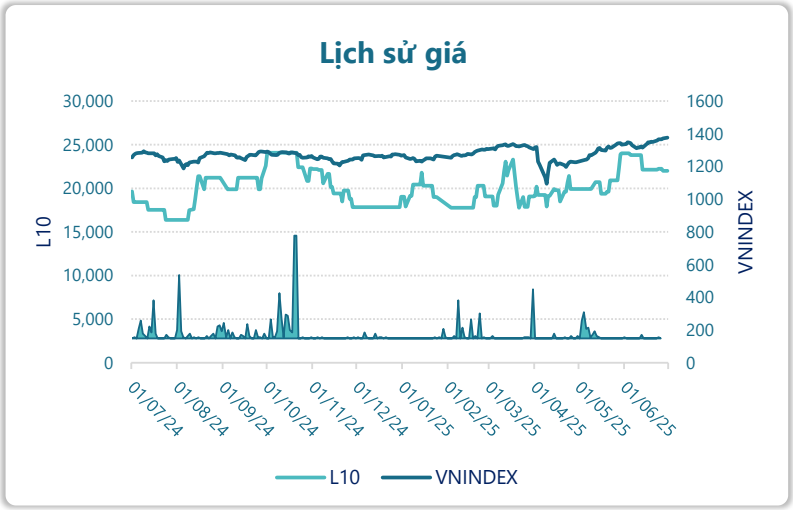
FireAnt

CTCP Lilama 10 (HSX: L10)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,072
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,375
SL cổ phiếu LH	9,790,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	425
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	215
P/E	9.3
EPS	2,373

DT thuần

Q2/25

346

tỷ VNĐ

QoQ: ▼45.0| -11.4%

YoY: ▲ 47.0| 15.9%

LN sau thuế

Q2/25

7.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.14| 42.9%

YoY: ▼6.08| -46.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.4%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

6T 2025

737

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 224| 43.8%

LN sau thuế

6T 2025

12.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.30| -26.4%

ROE

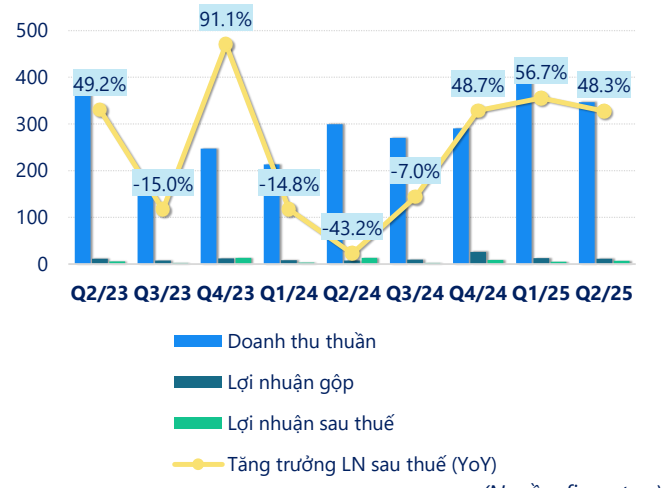
Q2/25

8.5%

+/- YoY: ▼ 4.0%

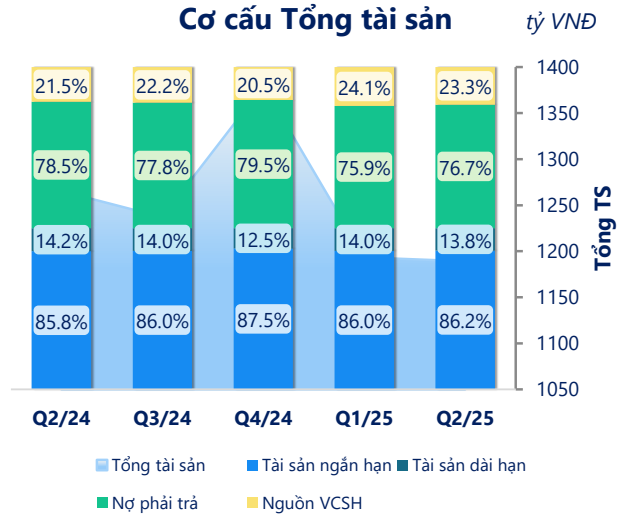
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



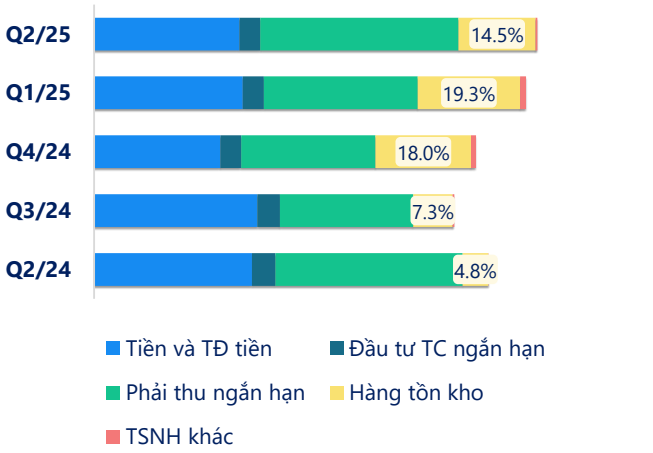
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



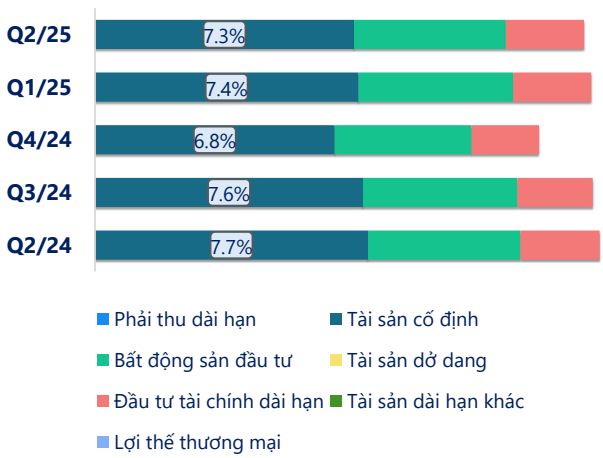
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



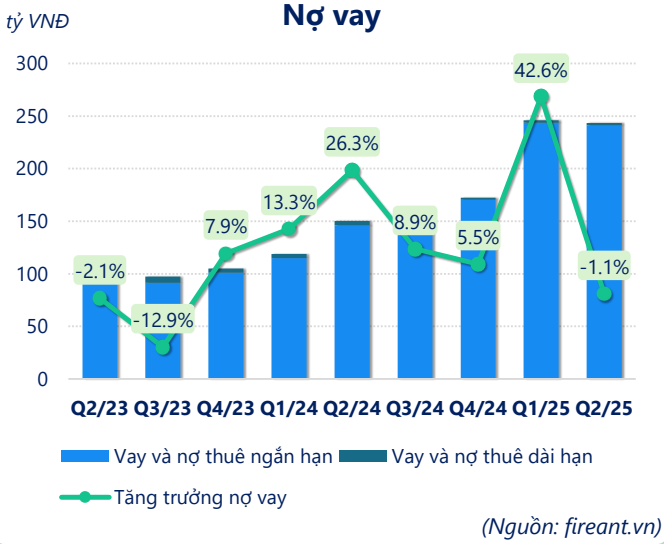
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



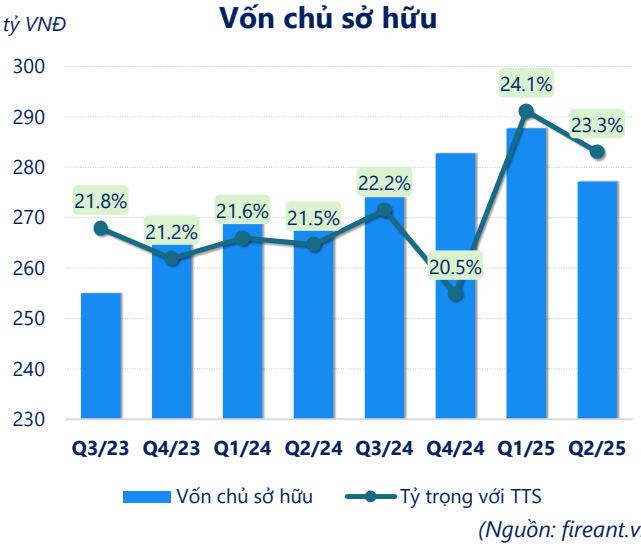
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



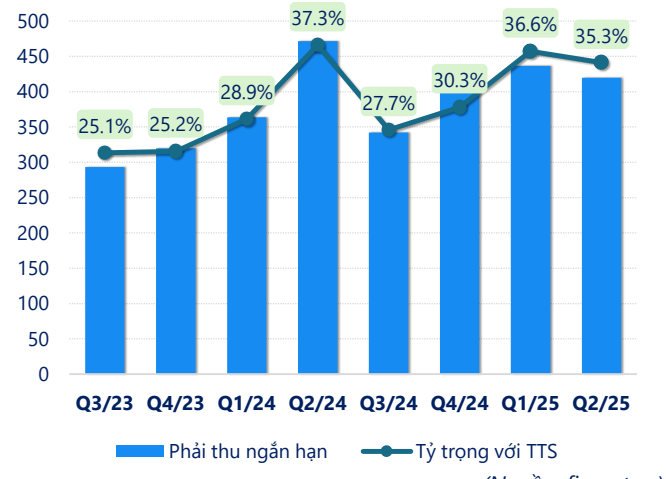
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



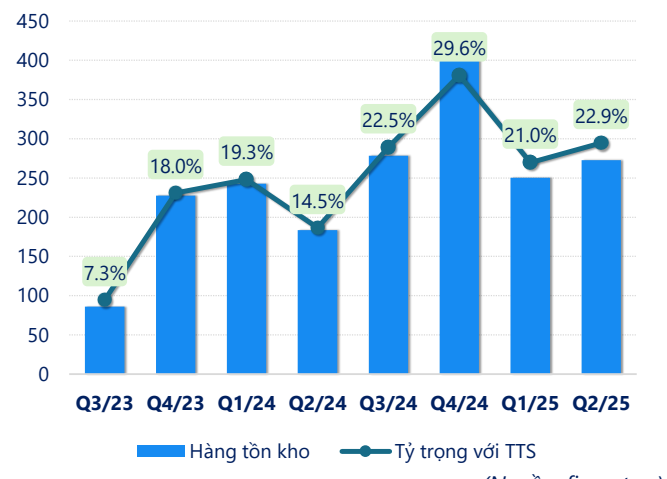
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



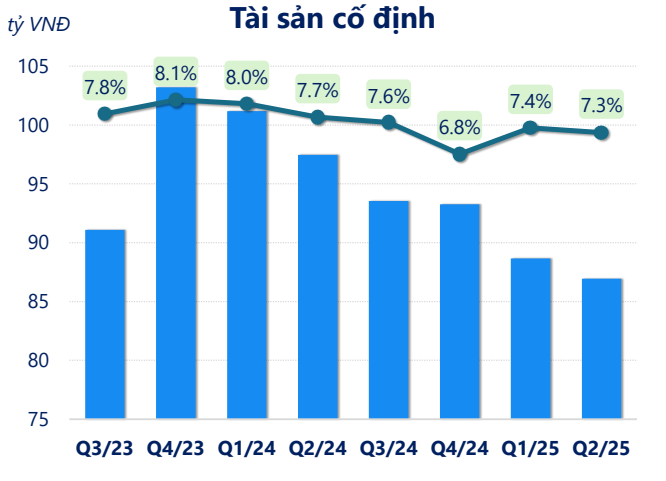
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



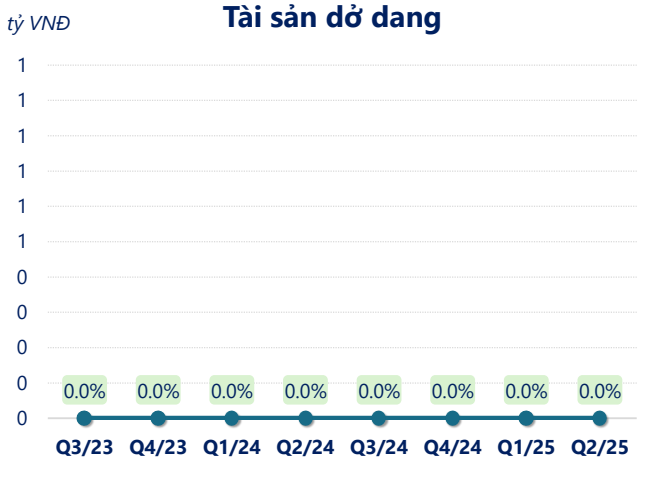
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



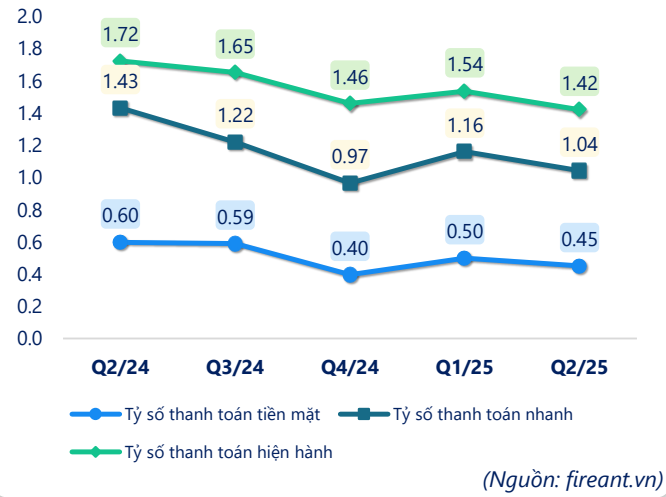
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



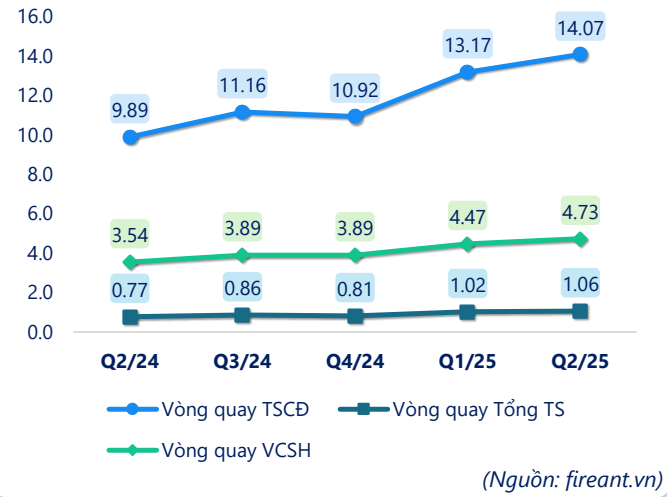
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,265**	**1,237**	**1,380**	**1,193**	**1,189**
Tài sản ngắn hạn	**1,085**	**1,063**	**1,207**	**1,026**	**1,025**
Tiền và tương đương tiền	376	380	328	334	325
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	54.2	44.3	4.30	4.40
Phải thu ngắn hạn	472	342	417	436	420
Hàng tồn kho	184	278	409	250	273
Tài sản ngắn hạn khác	4.13	8.62	8.55	1.32	3.37
Tài sản dài hạn	**180**	**174**	**173**	**167**	**164**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	97.5	93.5	93.3	88.7	86.9
Bất động sản đầu tư	54.3	53.8	53.3	52.1	50.9
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	28.3	26.3	26.3	26.3	26.3
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**994**	**963**	**1,097**	**906**	**912**
Nợ ngắn hạn	**630**	**644**	**827**	**668**	**721**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	146	159	170	244	241
Phải trả người bán ngắn hạn	168	129	231	125	165
Nợ dài hạn	364	319	270	237	191
Vay và nợ thuê dài hạn	4.00	4.00	2.20	2.20	2.20
Nguồn vốn chủ sở hữu	**272**	**274**	**283**	**288**	**277**
Vốn chủ sở hữu	**272**	**274**	**283**	**288**	**277**
Vốn điều lệ	98.9	98.9	98.9	98.9	98.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)